

HIỆP ĐỊNH
TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ CÁC VẤN ĐỀ DÂN SỰ VÀ HÌNH SỰ GIỮA CỘNG HÒA XÃ
HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ
CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

(trích)

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (sau đây gọi là hai Bên ký kết);

Nhằm mục đích tăng cường hợp tác trong lĩnh vực tương trợ tư pháp, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền của nhau, bình đẳng và cùng có lợi;

Mong muốn thực hiện tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự và hình sự;

Đã thoả thuận những điều dưới đây:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi

1. Theo quy định của Hiệp định này, hai Bên ký kết thực hiện việc tương trợ tư pháp cho nhau về các vấn đề dân sự và hình sự sau đây:

1) Tổng đạt giấy tờ;

2) Điều tra, thu thập chứng cứ;

3) Công nhận và thi hành quyết định của Toà án về các vấn đề dân sự và quyết định của Trọng tài;

4) Các việc tương trợ khác theo quy định của Hiệp định này.

2. Thuật ngữ “Các vấn đề dân sự” trong Hiệp định này được hiểu bao gồm cả các vấn đề thương mại, hôn nhân, gia đình và lao động.

3. Thuật ngữ “Các cơ quan có thẩm quyền” trong Hiệp định này được hiểu là Toà án, Viện kiểm sát và các cơ quan khác có thẩm quyền về các vấn đề dân sự hoặc hình sự.

Điều 2. Bảo hộ pháp lý

1. Công dân của các Bên ký kết này được hưởng trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sự bảo hộ pháp lý đối với các quyền nhân thân và tài sản như công dân của Bên ký kết kia và có quyền liên hệ và thực hiện các hành vi tố tụng trước Toà án và các cơ quan khác có thẩm quyền về dân sự và hình sự của Bên ký kết kia theo cùng các điều kiện mà Bên ký kết kia dành cho công dân nước mình.

2. Những quy định tại khoản 1 Điều này cũng được áp dụng đối với pháp nhân và các tổ chức khác có thể tham gia tố tụng tư pháp với tư cách đương sự được thành lập trên lãnh thổ của một trong hai Bên ký kết theo quy định của pháp luật nước đó.

Điều 3. Miễn, giảm án phí và trợ giúp pháp lý

1. Công dân của Bên ký kết này được miễn, giảm án phí và được trợ giúp pháp lý miễn phí trên lãnh thổ của Bên ký kết kia theo cùng những điều kiện và mức độ như công dân của Bên ký kết kia.

2. Nếu việc miễn, giảm án phí hoặc trợ giúp pháp lý miễn phí được quyết định căn cứ vào

tình trạng tài chính của người làm đơn, thì giấy xác nhận tình trạng tài chính sẽ do các cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết nơi người làm đơn thường trú hoặc tạm trú cấp. Nếu người làm đơn không có nơi thường trú hoặc tạm trú ở cả hai Bên ký kết thì giấy xác nhận tình trạng tài chính có thể do Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc Cơ quan lãnh sự của người đó là công dân cấp.

3. Công dân của Bên ký kết này khi làm đơn xin miễn, giảm án phí hoặc xin trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định tại khoản 1 Điều này, có thể nộp đơn cho cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết nơi người này thường trú hoặc tạm trú. Cơ quan có thẩm quyền này sẽ chuyển đơn kèm theo giấy xác nhận được cấp theo quy định tại khoản 2 Điều này sang cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết kia. Người làm đơn cũng có thể nộp đơn trực tiếp cho cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết kia.

Điều 4. Cách thức liên hệ

1. Khi yêu cầu và thực hiện tương trợ tư pháp, hai Bên ký kết sẽ liên hệ với nhau thông qua Cơ quan trung ương của mình, trừ trường hợp Hiệp định này có quy định khác.

2. Cơ quan trung ương nói tại khoản 1 Điều này, về phía Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Bộ Tư pháp và Viện kiểm sát nhân dân tối cao Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; về phía Cộng hoà nhân dân Trung Hoa là Bộ Tư pháp và Viện kiểm sát nhân dân tối cao Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.

Điều 5. Ngôn ngữ

Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp và các tài liệu kèm theo được lập trên cơ sở Hiệp định này, phải gửi kèm theo bản dịch có chứng thực một cách hợp thức ra ngôn ngữ chính thức của Bên ký kết được yêu cầu hoặc ra tiếng Anh.

Điều 6. Chi phí tương trợ tư pháp

1. Hai Bên ký kết sẽ thực hiện việc tương trợ tư pháp miễn phí cho nhau.

2. Nếu người làm chứng hoặc người giám định của Bên ký kết này có mặt trên lãnh thổ của Bên ký kết kia theo quy định tại Điều 13 và Điều 24 của Hiệp định này, thì mọi chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí hợp lý khác cho người làm chứng hoặc người giám định đó sẽ được Bên ký kết yêu cầu thanh toán. Nếu có yêu cầu, Bên ký kết yêu cầu sẽ thanh toán trước cho người làm chứng hoặc người giám định toàn bộ hay một phần các chi phí kể trên.

3. Nếu việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp đòi hỏi khoản chi phí bất thường, hai Bên ký kết trao đổi ý kiến để quyết định điều kiện cho việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp đó.

Điều 7. Yêu cầu tương trợ tư pháp

1. Yêu cầu tương trợ tư pháp phải gửi bằng văn bản và bao gồm những nội dung sau:

- 1) Tên và địa chỉ của cơ quan yêu cầu;
- 2) Tên và địa chỉ của cơ quan được yêu cầu, nếu có thể;
- 3) Mô tả vụ việc, các vấn đề yêu cầu tương trợ và các thông tin cần thiết khác liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp;
- 4) Họ tên, giới tính, địa chỉ, quốc tịch, nghề nghiệp, ngày sinh và nơi sinh của những người có liên quan và tên gọi, địa chỉ của pháp nhân, nếu là pháp nhân;
- 5) Họ tên, địa chỉ của những người đại diện, nếu có, của những người có liên quan.

2. Nếu Bên ký kết được yêu cầu xét thấy những thông tin nêu trong yêu cầu chưa đầy đủ

để giải quyết yêu cầu đó, thì Bên ký kết được yêu cầu có thể yêu cầu bổ sung thông tin.

3. Yêu cầu tương trợ tư pháp và các tài liệu kèm theo phải do cơ quan yêu cầu ký và đóng dấu.

Điều 8. Thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp

1. Bên ký kết được yêu cầu sẽ thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp theo pháp luật của nước mình.

2. Bên ký kết được yêu cầu có thể thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp theo cách mà Bên ký kết yêu cầu đề nghị, nếu không trái với pháp luật của nước mình.

Điều 9. Từ chối tương trợ tư pháp

Tương trợ tư pháp có thể bị từ chối nếu Bên ký kết được yêu cầu xét thấy việc thực hiện yêu cầu gây phương hại đến chủ quyền, an ninh, trật tự công cộng hoặc những nguyên tắc cơ bản của pháp luật và những lợi ích cơ bản của nước mình. Bên ký kết được yêu cầu thông báo lý do từ chối cho Bên ký kết yêu cầu.

Điều 10. Chuyển giao đồ vật và tiền

Việc chuyển giao đồ vật và tiền theo quy định của Hiệp định này từ lãnh thổ của Bên ký kết này sang lãnh thổ của Bên ký kết kia phải phù hợp với quy định của pháp luật của Bên ký kết chuyển giao về việc chuyển giao đồ vật và tiền ra nước ngoài.

Chương IV

TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ CÁC VẤN ĐỀ HÌNH SỰ

Điều 22. Tổng đạt giấy tờ

1. Bên ký kết được yêu cầu thực hiện việc tổng đạt giấy tờ theo yêu cầu của Bên ký kết yêu cầu, trừ những giấy tờ có yêu cầu một người phải có mặt với tư cách là bị cáo.

2. Các quy định tại khoản 2 Điều 11 của Hiệp định này cũng được áp dụng đối với việc tổng đạt giấy tờ về hình sự.

Điều 23. Điều tra, thu thập chứng cứ

1. Hai Bên ký kết, theo yêu cầu, với mục đích điều tra, thu thập chứng cứ, sẽ lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại và bị can, tiến hành giám định, khám nghiệm tư pháp và tiến hành các hành vi tố tụng khác có liên quan đến việc điều tra thu thập chứng cứ.

2. Ngoài việc phải tuân theo những quy định tại Điều 7 của Hiệp định này, yêu cầu điều tra, thu thập chứng cứ trong vụ án hình sự còn bao gồm cả việc mô tả hành vi phạm tội và những quy định của pháp luật hình sự của Bên ký kết yêu cầu theo đó hành vi này được coi là tội phạm.

3. Bên ký kết được yêu cầu thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết yêu cầu kết quả điều tra, thu thập chứng cứ cùng với những tài liệu đã thu thập được có tính chất chứng cứ.

4. Bên ký kết yêu cầu phải giữ bí mật toàn bộ giấy tờ có tính chất chứng cứ do Bên ký kết được yêu cầu cung cấp và chỉ sử dụng những tài liệu này cho mục đích đã yêu cầu, trừ trường hợp hai Bên ký kết có thoả thuận khác.

Điều 24. Triệu tập và bảo hộ người làm chứng, người giám định

1. Các quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Hiệp định này cũng được áp dụng đối với các vấn đề hình sự.

2. Nếu Toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết này xét thấy cần thiết phải lấy lời khai của người bị giam giữ trên lãnh thổ của Bên ký kết kia với tư cách là người làm chứng. Cơ quan trung ương nói tại Điều 4 của Hiệp định này sẽ thoả thuận chuyển giao người đó sang lãnh thổ của Bên ký kết yêu cầu với điều kiện người đó vẫn bị giam giữ và sẽ được trả lại ngay sau khi lấy xong lời khai. Trong biên bản thoả thuận chuyển giao phải ghi rõ chi phí chuyển giao.

3. Trong trường hợp đặc biệt, nếu có lý do không thể chuyển giao được người nói tại khoản 2 Điều này, Bên ký kết được yêu cầu có thể từ chối chuyển giao.

Điều 25. Chuyển giao tiền và tài sản do phạm tội mà có

1. Theo yêu cầu và phù hợp với pháp luật nước mình, Bên ký kết được yêu cầu sẽ chuyển giao cho Bên ký kết yêu cầu tiền và tài sản do phạm tội trên lãnh thổ của Bên ký kết yêu cầu mà có, được tìm thấy trên lãnh thổ của Bên ký kết được yêu cầu. Việc chuyển giao này không được xâm phạm đến quyền hợp pháp của Bên ký kết được yêu cầu hoặc của bên thứ ba đối với các khoản tiền và tài sản nói trên.

2. Bên ký kết được yêu cầu có thể tạm hoãn việc chuyển giao tiền và tài sản do phạm tội mà có nếu cần sử dụng chúng trong vụ án hình sự khác đang trong quá trình tố tụng ở nước mình.

Điều 26. Thông báo bản án hình sự

Bên ký kết này sẽ cung cấp cho bên ký kết kia bản sao các bản án hình sự liên quan đến công dân của bên ký kết kia.

Điều 27. Từ chối tương trợ tư pháp về các vấn đề hình sự

1. Ngoài việc từ chối tương trợ tư pháp theo quy định tại Điều 9 của Hiệp định này, Bên ký kết được yêu cầu có thể từ chối tương trợ tư pháp về các vấn đề hình sự, nếu yêu cầu liên quan đến một hành vi không bị coi là tội phạm theo quy định của pháp luật của Bên ký kết được yêu cầu.

2. Bên ký kết được yêu cầu thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết yêu cầu lý do từ chối tương trợ tư pháp về các vấn đề hình sự.

Chương V
CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 28. Trao đổi thông tin pháp luật

1. Hai Bên ký kết, theo yêu cầu, sẽ cung cấp cho nhau những thông tin về pháp luật hiện hành và thực tiễn thi hành pháp luật trên lãnh thổ nước mình.

2. Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin phải nêu tên cơ quan yêu cầu, cũng như mục đích của việc yêu cầu.

Điều 29. Miễn hợp pháp hoá

Trong khi thực hiện Hiệp định này, các giấy tờ và bản dịch do Toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền của hai Bên ký kết lập hoặc xác nhận, có chữ ký và đóng dấu chính thức không phải hợp pháp hoá dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 30. Tổng đạt giấy tờ và thu thập chứng cứ đối với công dân của nước mình

Bên ký kết này có thể tổng đạt giấy tờ và thu thập chứng cứ đối với công dân của nước mình trên lãnh thổ của Bên ký kết kia thông qua Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc Cơ quan lãnh sự của mình đóng tại Bên ký kết kia. Việc tổng đạt giấy tờ và thu thập chứng cứ bằng cách này phải tuân thủ pháp luật của Bên ký kết kia và không được áp dụng bất cứ biện pháp cưỡng chế nào.

Điều 31. Giải quyết bất đồng

Những bất đồng có thể phát sinh trong việc giải thích hoặc thực hiện Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua đường ngoại giao.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 32. Phê chuẩn và thời điểm bắt đầu có hiệu lực

Hiệp định này cần được phê chuẩn. Việc trao đổi văn kiện phê chuẩn sẽ được tiến hành tại Hà Nội. Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau 30 ngày, kể từ ngày trao đổi văn kiện phê chuẩn.

Điều 33. Sửa đổi và bổ sung

Bất cứ sửa đổi hoặc bổ sung nào của Hiệp định này cũng phải được hai Bên ký kết thoả thuận thông qua đường ngoại giao và phải hoàn tất các thủ tục do pháp luật của mỗi nước quy định.

Điều 34. Hiệu lực của Hiệp định

Hiệp định này có giá trị vô thời hạn và sẽ chấm dứt hiệu lực sau 6 tháng kể từ khi bất cứ một Bên nào ký kết đề nghị chấm dứt hiệu lực của Hiệp định bằng văn bản qua đường ngoại giao.

Làm tại Bắc Kinh ngày 19 tháng 10 năm 1998, thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt Nam và tiếng Trung Quốc, cả hai văn bản đều có giá trị pháp lý như nhau.
Để làm bằng, những người được uỷ quyền hợp thức đã ký tên dưới đây.